TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày: 18/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quang Dũng**.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đông
2. Bà Ngô Thị Yêm

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Minh Anh - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đ , Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ , Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đ , Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 136/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Kh, phường 5, quận 3, Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P** - Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Th** - Giám đốc xử lý nợ
Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: ông Bùi Huy H – Nhân viên xử lý nợ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994
Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1989
Đều cư trú: thôn V, xã H, Huyện Đ , Hà Nội

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1964 (mẹ anh T)
2. Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1961 (bố anh T)
Đều cư trú: thôn V, xã H, Huyện Đ , Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền của bà T , ông T là anh T theo giấy ủy quyền ngày 12/10/2022.
Có mặt: ông H
Vắng mặt: Những người còn lại

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/3/2019, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V ký hợp đồng tín dụng số **DGI.CN.2181.150319** nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng/cho vay: 600.000.000 *(Sáu trăm triệu)* đồng.

- Mục đích cho vay : Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh gỗ
- Phương thức cho vay: : Cho vay theo hạn mức tín dụng.
- Thời hạn hiệu lực HMTD: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (ngày 15/3/2019)
- Thời hạn cho vay: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân
- Lãi suất cho vay: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Tài sản thế chấp cho khoản vay hợp đồng tín dụng:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **48 (1)**, tờ bản đồ số **02**, địa chỉ: thôn V, xã H, huyện Đ , Tp. Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Anh Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: 780.QĐ.UBND.2012/CH.00029.2012 do UBND huyện Đ , Tp. Hà Nội cấp ngày 10/4/2012.

- Hợp đồng thế chấp số **DIG.BĐCN.165.140317** được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tuệ Tĩnh, Tp. Hà Nội ngày 14/3/2017, số công chứng 000678.2017/HĐTC; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ , Tp. Hà Nội ngày 15/3/2017, số thứ tự 1207.

Ngày 03/6/2019, chị Vđề nghị cấp thẻ tín dụng. Ngân hàng đã cấp tín dụng cho chị V

- Hạn mức thẻ : 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng
- Hiệu lực thẻ : Tháng 6/2023
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, chị Nguyễn Thị V và Anh Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Chị Nguyễn Thị V và Anh Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ACB tổng số nợ còn thiếu đối với hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/01/2023 gồm:

Nợ tiền gốc 520.000.000 đồng,

Nợ tiền lãi trong hạn 5.373.333 đồng,

Nợ tiền lãi quá hạn 198.373.081 đồng,

Nợ tiền phạt chậm trả lãi 1.264.573 đồng.

Tổng số tiền: **725.010.987** đồng,

Chị Nguyễn Thị Vvà anh Nguyễn Văn T trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu đối với hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 18/01/2023 gồm:

Nợ tiền gốc 25.212.244 đồng,

Nợ tiền lãi 22.501.230 đồng,

Tổng số tiền: **47.713.474** đồng,

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB, tính kể từ ngày 19/01/2023 đến ngày trả dứt nợ.

Nếu chị Nguyễn Thị V và Anh Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **48 (1)**, tờ bản đồ số **02**, địa chỉ: thôn V, xã H, huyện Đ , Tp. Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Anh Nguyễn Văn T .

* **Bị đơn Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V trình bày:**

Tôi nhất trí với phần trình bày của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu. Tính đến ngày 24/11/2022, vợ chồng tôi còn nợ ngân hàng Á Châu các khoản tiền gồm:

Đối với hợp đồng tín dụng số **DGI.CN.2181.150319** tính đến ngày 23/11/2022 số tiền còn nợ gồm:

Nợ tiền gốc 520.000.000 đồng,

Nợ tiền lãi trong hạn 5.373.333 đồng,

Nợ tiền lãi quá hạn 185.875.747 đồng,

Nợ tiền phạt chậm trả lãi 1.182.133 đồng.

Tổng số tiền: **712.431.213** đồng,

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 23/11/2022 số tiền còn nợ gồm:

Nợ tiền gốc 25.212.244 đồng,

Nợ tiền lãi 21.305.858 đồng,

Tổng số tiền: **46.518.102** đồng,

Tài sản đảm bảo cho khoản vay hợp đồng tín dụng: thửa đất số **48 (1)**, tờ bản đồ số **02**, địa chỉ: thôn V, xã H, huyện Đ , Tp. Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Anh Nguyễn Văn T .

Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn đề nghị ngân hàng cho vợ chồng tôi trả nợ dần. Ngày 30/11/2022, vợ chồng tôi thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi còn lại. Nếu không trả được nợ thì nhất trí xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Hiện nay đang sống trên đất gồm:

- Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1961 (bố anh T)
- Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1964 (mẹ anh T)
- Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1989
- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994
- Cháu Nguyễn Bảo L, sinh năm 2013 (con anh T , chị V)
- Cháu Nguyễn Minh Ph, sinh năm 2017 (con anh T , chị V)

Ngoài ra không còn ai khác sinh sống trên đất.

Cán bộ tòa án đã nhiều lần đến nhà chị Vđể ghi lời khai nhưng chị V không có nhà vì vậy không thể tiến hành ghi được lời khai của chị V.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày**:

Ông T , bà T từ chối không cung cấp lời khai vì vậy tòa án không tiến hành ghi được lời khai.

Tại phiên toà: Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng có đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án đến giao giấy báo đến phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật không đầy đủ.

Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu. Anh Nguyễn Văn T , chị Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số **DGI.CN.2181.150319** và hợp đồng thẻ.

- Anh Nguyễn Văn T , chị Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán cho cho ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu số tiền tính đến ngày 18/01/2023 gồm:

Đối với hợp đồng tín dụng **DGI.CN.2181.150319**

Nợ tiền gốc 520.000.000 đồng,

Nợ tiền lãi trong hạn 5.373.333 đồng,

Nợ tiền lãi quá hạn 198.373.081 đồng,

Nợ tiền phạt chậm trả lãi 1.264.573 đồng.

Tổng số tiền: **725.010.987** đồng,

Đối với hợp đồng thẻ

Nợ tiền gốc 25.212.244 đồng,

Nợ tiền lãi 22.501.230 đồng,

Tổng số tiền: **47.713.474** đồng,

- Trong T hợp anh T , chị Vkhông thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên đối với hợp đồng tín dụng số **DGI.CN.2181.150319** thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **48 (1)**, tờ bản đồ số **02**, địa chỉ: thôn V, xã H, huyện Đ , Tp. Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Anh Nguyễn Văn T .

- Anh Nguyễn Văn T , chị Nguyễn Thị V phải tiếp tục chịu các khoản lãi P sinh của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ từ ngày 19/01/2023 theo hợp đồng đã ký.

- Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T , chị V cư trú tại thôn V, xã H, Đ , Hà Nội. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án huyện Đ thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được tòa án giao giấy báo hợp lệ theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu khởi kiện anh T , chị V yêu cầu thanh toán khoan vay theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{3} Về nội dung:

{3.1} Hợp đồng tín dụng:

Ngày 15/3/2019, ngân hàng TMCP Á Châu ký hợp đồng tín dụng với anh Nguyễn Văn T , chị Nguyễn Thị V. Ngày 03/6/2019, chị Nguyễn Thị Vđề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 30 triệu đồng.

Hợp đồng tín dụng có đầy đủ chữ ký của anh T , chị V. Ngân hàng đã thực hiện giải ngân bằng chuyển khoản thanh toán và mở thẻ thanh toán quốc tế. Chị Vđã xác nhận bằng khế ước nhận nợ.

Các đương sự ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng không trái quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 18/01/2023, anh T và chị Vcòn nợ ngân hàng Á Châu số tiền:

- Đối với hợp đồng tín dụng **DGI.CN.2181.150319**

Nợ tiền gốc 520.000.000 đồng,

Nợ tiền lãi trong hạn 5.373.333 đồng,

Nợ tiền lãi quá hạn 198.373.081 đồng,

Nợ tiền phạt chậm trả lãi 1.264.573 đồng.

Tổng số tiền: **725.010.987** đồng,

- Đối với hợp đồng thẻ thanh toán quốc tế

Nợ tiền gốc 25.212.244 đồng,

Nợ tiền lãi 22.501.230 đồng,

Tổng số tiền: **47.713.474** đồng,

(Có bảng kê tính lãi của ngân hàng kèm trong hồ sơ vụ án).

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. anh T , chị V phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu các khoản tiền trên. Kể từ ngày 19/01/2023, anh T và chị V phải có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản tiền lãi trên dư nợ gốc thực tế theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

{3.2} Về tài sản đảm bảo và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số **48 (1)**, tờ bản đồ số **02** tại thôn V, xã H, huyện Đ , Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 959419 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/4/2012 mang tên anh Nguyễn Văn T .

Hợp đồng thế chấp số DGI.BĐCN.165.140317 ngày 14/3/2017 ký tại văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh số công chứng 000678.2017/HĐTC quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD.

Các chủ thể ký kết hợp đồng các điều khoản của hợp đồng không vi phạm

điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, nên cần được chấp nhận

{4}Về án phí: các đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

{5} Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 305, 342, 343, 344, 350, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2011 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân thương mại cổ phần Á Châu đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu các khoản tiền tính đến ngày 18/01/2023 gồm:

- Đối với hợp đồng tín dụng **DGI.CN.2181.150319**

Nợ tiền gốc 520.000.000 đồng,

Nợ tiền lãi trong hạn 5.373.333 đồng,

Nợ tiền lãi quá hạn 198.373.081 đồng,

Nợ tiền phạt chậm trả lãi 1.264.573 đồng.

Tổng số tiền: **725.010.987** đồng,

- Đối với hợp đồng thẻ thanh toán quốc tế

Nợ tiền gốc 25.212.244 đồng,

Nợ tiền lãi 22.501.230 đồng,

Tổng số tiền: **47.713.474** đồng,

(Có bảng kê tính lãi của ngân hàng kèm trong hồ sơ vụ án).

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu từ ngày 19/01/2023 trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng

số **DGI.CN.2181.150319** ngày **15/3/2019** và quy định về lãi suất thẻ tín dụng quốc tế đối với yêu cầu cấp thẻ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. T hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên đối với tại hợp đồng tín dụng số **DGI.CN.2181.150319** ngày **15/3/2019** hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có quyền xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số **48 (1)**, tờ bản đồ số **02** tại thôn V, xã H, huyện Đ , Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 959419 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/4/2012 mang tên anh Nguyễn Văn T .

Hợp đồng thế chấp số DGI.BĐCN.165.140317 ngày 14/3/2017 ký tại văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh số công chứng 000678.2017/HĐTC quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD.

Khi kê biên, P mại thửa đất thế chấp. Nếu diện tích đo thực tế có chênh lệch so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số BI 959419 và Hợp đồng thế chấp tài sản số DGI.BĐCN.165.140317 ngày 14/3/2017 ký tại văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh thì Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản thế chấp theo diện tích thực tế thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp và tài sản gắn liền diện tích thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp. T hợp diện tích đo thực tế lớn hơn thì bên nhận thế chấp phải thanh toán cho bên có tài sản thế chấp bằng tiền đối với diện tích lớn hơn theo giá trị tại thời điểm phát mại; T hợp diện tích đo thực tế nhỏ hơn diện tích thế chấp thì diện tích đo thực tế được xác định là diện tích thực tế đã thế chấp theo pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản đảm bảo, số tiền phát mại tài sản bảo đảm có giá trị lớn hơn số tiền anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V phải trả cho ngân hàng thương mại Á Châu thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho anh T , chị V. Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì anh T , chị V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T , chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với hợp đồng tín dụng số **DGI.CN.2181.150319** là 33.001.000 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm lẻ một nghìn đồng) và án phí Dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng thẻ tín dụng là 2.386.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền án phí anh Nguyễn Văn T , chị Nguyễn Thì V phải chịu là 35.387.000 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng để sung ngân sách nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu được nhận lại số tiền 16.646.000

đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047044 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ .

Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện Đ ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Dũng